

DANH SÁCH**Học sinh được miễn thi bài thi môn Ngoại ngữ, Kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2026**

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-SGDĐT ngày / /2026 của Giám đốc Sở GDĐT Ninh Bình)

STT	Họ tên	Trường	Ngày sinh	Giới tính	Số ĐDCN	Chứng chỉ NN
1	BÙI TRẦN QUANG MINH	THPT A Duy Tiên	15/10/2008	Nam	035208008964	Tiếng Trung Quốc - HSK (tối thiểu cấp độ 3)
2	VŨ NGUYỄN QUANG	THPT A Phủ Lý	12/10/2008	Nam	075208016981	Tiếng Anh - IELTS (tối thiểu 4.0 điểm)
3	ĐỖ HỒNG KHẢI	THPT A Phủ Lý	16/10/2008	Nam	035208006003	Tiếng Anh - IELTS (tối thiểu 4.0 điểm)
4	HOÀNG DIỄM QUỲNH	THPT A Phủ Lý	16/07/2008	Nữ	035308009479	Tiếng Anh - IELTS (tối thiểu 4.0 điểm)
5	HOÀNG ANH QUÂN	THPT A Phủ Lý	16/07/2008	Nam	035208009951	Tiếng Anh - IELTS (tối thiểu 4.0 điểm)
6	TRẦN HOÀNG LINH	THPT B Bình Lục	15/07/2008	Nữ	035308004994	Tiếng Trung Quốc - HSK (tối thiểu cấp độ 3)
7	NGUYỄN THIÊN PHÁT	THPT B Duy Tiên	30/09/2008	Nam	035208001557	Tiếng Anh - IELTS (tối thiểu 4.0 điểm)
8	NGUYỄN NGỌC GIA HUY	THPT B Duy Tiên	28/07/2008	Nam	035208002757	Tiếng Anh - IELTS (tối thiểu 4.0 điểm)
9	TRẦN HÀ CHI	THPT B Duy Tiên	02/01/2008	Nữ	035308006734	Tiếng Trung Quốc - HSK (tối thiểu cấp độ 3)
10	TRẦN THẢO NHI	THPT B Thanh Liêm	19/04/2008	Nữ	035308001049	Tiếng Anh - IELTS (tối thiểu 4.0 điểm)
11	LÊ THỊ BẢO NGỌC	THPT C Phủ Lý	05/11/2008	Nữ	035308004238	Tiếng Trung Quốc - HSK (tối thiểu cấp độ 3)
12	NGUYỄN NHƯ MAI	THPT C Phủ Lý	17/03/2008	Nữ	035308001746	Tiếng Anh - IELTS (tối thiểu 4.0 điểm)
13	NGUYỄN VŨ HÀ LINH	Tiểu học, THCS và THPT FPT Hà Nam	26/10/2008	Nữ	035308000054	Tiếng Anh - IELTS (tối thiểu 4.0 điểm)

STT	Họ tên	Trường	Ngày sinh	Giới tính	Số ĐDCN	Chứng chỉ NN
14	TRẦN ĐỨC ANH	Tiểu học, THCS và THPT FPT Hà Nam	04/10/2008	Nam	036208014792	Tiếng Anh - IELTS (tối thiểu 4.0 điểm)
15	NGUYỄN BẢO HÂN	Tiểu học, THCS và THPT FPT Hà Nam	17/12/2008	Nữ	036308000677	Tiếng Anh - IELTS 4.5 (tối thiểu 4.0)
16	PHẠM QUANG MINH	Tiểu học, THCS và THPT FPT Hà Nam	09/10/2008	Nam	033208002461	Chứng chỉ Tiếng Anh bậc 4 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam do Trường Đại học Ngân Hàng Thành phố Hồ Chí Minh cấp (tối thiểu bậc 3)
17	ĐINH HÀ AN NA	Tiểu học, THCS và THPT FPT Hà Nam	08/11/2008	Nữ	035308000125	Tiếng Anh - IELTS (tối thiểu 4.0 điểm)
18	NGUYỄN BÌNH MINH	Tiểu học, THCS và THPT FPT Hà Nam	24/02/2008	Nữ	035308009393	Tiếng Anh - IELTS (tối thiểu 4.0 điểm)
19	NGUYỄN HỒNG QUANG	Tiểu học, THCS và THPT FPT Hà Nam	18/06/2008	Nam	035208009035	Tiếng Anh - IELTS (tối thiểu 4.0 điểm)
20	PHẠM THỊ NHI	THPT Nam Cao	21/4/2008	Nữ	037308009652	Tiếng Trung Quốc - HSK cấp độ 4 (tối thiểu cấp độ 3)
21	ĐẶNG THỊ NGỌC ANH	THPT A Nghĩa Hưng	04/10/2008	Nữ	036308005011	Tiếng Trung Quốc - HSK (tối thiểu cấp độ 3)
22	ĐẶNG QUANG MINH	THPT A Hải Hậu	11/08/2008	Nam	036208007538	Tiếng Anh - IELTS (tối thiểu 4.0 điểm)
23	NHÂM MINH QUÂN	THPT A Trần Hưng Đạo	24/11/2008	Nam	036208005135	Tiếng Anh - IELTS (tối thiểu 4.0 điểm)
24	NGUYỄN PHƯƠNG ANH	THPT B Nguyễn Huệ	06/07/2008	Nữ	036308017570	Tiếng Trung Quốc - HSK (tối thiểu cấp độ 3)
25	PHẠM THANH HUYỀN	THPT C Hải Hậu	24/12/2008	Nữ	036308018487	Tiếng Trung Quốc - HSK (tối thiểu cấp độ 3)
26	NGUYỄN THỊ MINH THU'	THPT C Hải Hậu	31/10/2008	Nữ	036308018057	Tiếng Trung Quốc - HSK (tối thiểu cấp độ 3)
27	VŨ BẢO MINH	THPT chuyên Lê Hồng Phong	13/10/2008	Nam	036208018098	Tiếng Anh - IELTS (tối thiểu 4.0 điểm)

STT	Họ tên	Trường	Ngày sinh	Giới tính	Số ĐDCN	Chứng chỉ NN
28	NGUYỄN QUANG MINH	THPT chuyên Lê Hồng Phong	27/07/2008	Nam	036208003214	Tiếng Anh - IELTS (tối thiểu 4.0 điểm)
29	NGUYỄN MINH QUANG	THPT chuyên Lê Hồng Phong	13/10/2008	Nam	036208003453	Tiếng Anh - IELTS (tối thiểu 4.0 điểm)
30	TRẦN MINH QUANG	THPT chuyên Lê Hồng Phong	13/01/2008	Nam	036208010647	Tiếng Anh - IELTS (tối thiểu 4.0 điểm)
31	TRẦN TRUNG KIÊN	THPT chuyên Lê Hồng Phong	01/02/2008	Nam	036208019475	Tiếng Anh - IELTS (tối thiểu 4.0 điểm)
32	NGUYỄN ANH TUẤN	THPT chuyên Lê Hồng Phong	16/12/2008	Nam	036208010015	Tiếng Anh - IELTS (tối thiểu 4.0 điểm)
33	NGUYỄN NGỌC KHÁNH	THPT chuyên Lê Hồng Phong	17/08/2008	Nữ	036308001029	Tiếng Trung Quốc - HSK (tối thiểu cấp độ 3)
34	PHẠM PHƯƠNG THẢO	THPT Lương Thế Vinh	04/07/2008	Nữ	036308001539	Tiếng Trung Quốc - HSK (tối thiểu cấp độ 3)
35	ĐỖ DUY LĨNH	THPT Lý Tự Trọng	30/10/2008	Nam	036208011792	Tiếng Anh - IELTS (tối thiểu 4.0 điểm)
36	ĐOÀN GIA BẢO	THPT Lý Tự Trọng	05/06/2008	Nam	036208008396	Tiếng Anh - IELTS (tối thiểu 4.0 điểm)
37	NGUYỄN TUẤN ANH	THPT Lý Tự Trọng	02/08/2008	Nam	036208013098	Tiếng Anh - IELTS (tối thiểu 4.0 điểm)
38	NGUYỄN MINH TRUNG THÀNH	THPT Mỹ Lộc	16/02/2008	Nam	036208002769	Tiếng Trung Quốc - HSK (tối thiểu cấp độ 3)
39	LÊ QUANG HUY	THPT Mỹ Lộc	18/10/2008	Nam	036208002944	Tiếng Trung Quốc - HSK (tối thiểu cấp độ 3)
40	ĐỒNG KHÁNH NGỌC	THPT Ngô Quyền	09/07/2008	Nữ	036308014256	Tiếng Trung Quốc - HSK (tối thiểu cấp độ 3)
41	ĐỒNG KHÁNH LY	THPT Ngô Quyền	09/07/2008	Nữ	036308013779	Tiếng Trung Quốc - HSK (tối thiểu cấp độ 3)
42	VŨ THỊ NGỌC PHƯỢNG	THPT Nguyễn Đức Thuận	02/04/2008	Nữ	036308012062	Tiếng Trung Quốc - HSK (tối thiểu cấp độ 3)
43	NGÔ GIA HÙNG	THPT Nguyễn Trường Thúc	06/12/2008	Nam	036208019872	Tiếng Anh - Pearson Test of English Academic 45 (PTE Academic) (tối thiểu 43 điểm)

STT	Họ tên	Trường	Ngày sinh	Giới tính	Số ĐDCN	Chứng chỉ NN
44	MAI THU QUỲNH	THPT Trần Quốc Tuấn	07/11/2008	Nữ	036308017027	Tiếng Trung Quốc - HSK (tối thiểu cấp độ 3)
45	NGUYỄN MINH NHẬT	THPT Trần Quốc Tuấn	06/03/2008	Nam	036208006310	Tiếng Anh - IELTS (tối thiểu 4.0 điểm)
46	NGUYỄN THỤC HIỀN	THPT Trần Quốc Tuấn	01/02/2008	Nữ	036308015772	Tiếng Trung Quốc - HSK (tối thiểu cấp độ 3)
47	NGUYỄN ANH ĐỨC	THPT Trần Văn Bảo	17/09/2008	Nam	036208011499	Tiếng Anh - IELTS (tối thiểu 4.0 điểm)
48	LÔ THỊ HẢI YÊN	THPT Trục Ninh	30/08/2008	Nữ	036308004354	Tiếng Trung Quốc - HSK (tối thiểu cấp độ 3)
49	NGUYỄN THỊ THU HƯƠNG	THPT Trục Ninh	27/02/2008	Nữ	036308017959	Tiếng Anh - IELTS (tối thiểu 4.0 điểm)
50	ĐỖ NHẬT MINH	THPT Trục Ninh B	03/08/2008	Nam	036208015571	Tiếng Trung Quốc - HSK (tối thiểu cấp độ 3)
51	VŨ ĐĂNG THUẬN	THPT Trục Ninh B	18/06/2008	Nam	036208009627	Tiếng Trung Quốc - HSK (tối thiểu cấp độ 3)
52	TRẦN KHÁNH LINH	THPT Trục Ninh B	02/03/2008	Nữ	036308001330	Tiếng Trung Quốc - HSK (tối thiểu cấp độ 3)
53	NGUYỄN VĂN DƯƠNG	THPT Trục Ninh B	28/10/2008	Nam	036208018620	Tiếng Trung Quốc - HSK (tối thiểu cấp độ 3)
54	MAI THỊ HUYỀN DIỆU	THPT Vũ Văn Hiếu	08/07/2008	Nữ	036308005831	Tiếng Trung Quốc - HSK (tối thiểu cấp độ 3)
55	TRẦN TRUNG KIÊN	Tiểu học, THCS và THPT Nguyễn Công Trứ	26/01/2008	Nam	036208008935	Tiếng Anh - IELTS (tối thiểu 4.0 điểm)
56	TẠ ĐÌNH ĐÌNH DUY	THPT A Nguyễn Huệ	11/11/2008	Nam	037208000403	Tiếng Trung Quốc - HSK (tối thiểu cấp độ 3)
57	PHẠM THỊ LAN ANH	THPT A Nguyễn Huệ	18/04/2008	Nữ	037308004787	Tiếng Trung Quốc - HSK (tối thiểu cấp độ 3)
58	PHẠM QUANG ANH	THPT A Nguyễn Huệ	20/05/2008	Nam	037208007647	Tiếng Anh - IELTS (tối thiểu 4.0 điểm)
59	PHAN MINH TÀI	THPT chuyên Lương Văn Tụy	13/04/2008	Nam	037208009350	Tiếng Anh - IELTS (tối thiểu 4.0 điểm)

STT	Họ tên	Trường	Ngày sinh	Giới tính	Số ĐDCN	Chứng chỉ NN
60	TRẦN HẢI NAM	THPT Đinh Tiên Hoàng	05/07/2008	Nam	037208000366	Tiếng Anh - IELTS (tối thiểu 4.0 điểm)
61	VŨ MINH THÁI	THPT Đinh Tiên Hoàng	26/12/2008	Nam	037208008833	Tiếng Anh - IELTS (tối thiểu 4.0 điểm)
62	ĐINH DUY TRUNG	THPT Gia Viễn A	06/05/2008	Nam	037208008044	Tiếng Anh - IELTS (tối thiểu 4.0 điểm)
63	NGUYỄN XUÂN MINH KHÔI	THPT Gia Viễn A	20/11/2008	Nam	037208006498	Tiếng Anh - IELTS (tối thiểu 4.0 điểm)
64	ĐÀO VIỆT BÁCH	THPT Gia Viễn A	26/11/2008	Nam	037208008415	Tiếng Anh - IELTS (tối thiểu 4.0 điểm)
65	NGUYỄN VIỆT DŨNG	THPT gia Viễn C	07/01/2008	Nam	037208009557	Tiếng Anh - IELTS (tối thiểu 4.0 điểm)
66	ĐINH THỊ THANH PHƯƠNG	THPT Gia Viễn C	23/10/2008	Nữ	037308003803	Tiếng Trung Quốc - HSK (tối thiểu cấp độ 3)
67	TẠ MỸ HẠNH	THPT Ninh Bình - Bạc Liêu	25/08/2008	Nữ	037308002258	Tiếng Anh - IELTS (tối thiểu 4.0 điểm)
68	BÙI HÀ LINH	THPT Nho Quan B	20/04/2008	Nữ	037308002868	Tiếng Trung Quốc - HSK (tối thiểu cấp độ 3)
69	DƯƠNG ĐỨC KIÊN	THPT Yên Mô A	09/04/2008	Nam	033208012185	Tiếng Anh - IELTS (tối thiểu 4.0 điểm)
70	TRƯƠNG THIỆN NHÂN	THPT Yên Mô B	28/07/2008	Nam	037208007763	Tiếng Anh - IELTS (tối thiểu 4.0 điểm)

Danh sách gồm 70 học sinh./.